

ĐỀ TÀI TIỂU LUẬN
MÔN KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP 1

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2020 – 2021**
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG (C1)
Học phần: Kết cấu bê tông cốt thép 1
Lớp: 20C1-KXD1
Thời gian: 19/07/2021 – 07/08/2021

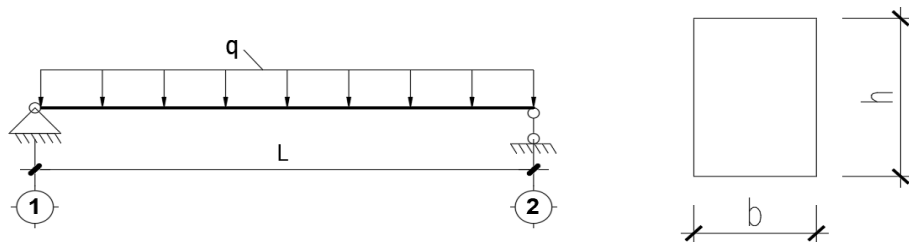
PHẦN LÝ THUYẾT: *(Sinh viên chỉ làm 1 trong 2 câu theo danh sách đính kèm)*

Câu 1: Phân biệt thép chịu lực và thép cấu tạo trong cấu kiện bê tông cốt thép. Phân tích tác dụng của thép cấu tạo và cho ví dụ cụ thể.

Câu 2: Khi nào cấu kiện bê tông cốt thép bị phá hoại? Đưa ra biện pháp bảo vệ trong từng trường hợp.

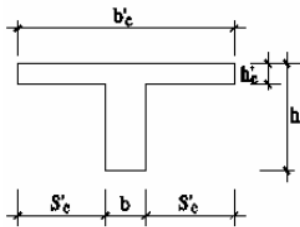
PHẦN THỰC HÀNH: *(Số liệu mỗi sinh viên theo danh sách kèm theo)*

Thiết kế dầm bê tông cốt thép với kích thước b ; h . Dầm có chiều dài l , chịu tải trọng q , có sơ đồ tính như hình vẽ. Dùng bê tông B20, cốt thép chịu lực nhóm CII, thép đai nhóm CI.



Yêu cầu:

- 1./ Tính toán và bố trí cốt thép dọc chịu lực cho dầm.
- 2./ Tính toán cốt đai và bố trí cốt đai.
- 3./ Vẽ mặt cắt dọc và mặt cắt ngang của dầm.
- 4./ Giả sử thay dầm trên bằng dầm chữ T cánh nén có kích thước $b'c=500\text{mm}$, $h'c=100\text{mm}$; b , h . Thép dọc trong dầm sẽ thay đổi như thế nào?



Nhận xét và rút ra kết luận để tối ưu cốt thép trong bê tông.

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Phần lý thuyết	Phần thực hành			
					b (mm)	h (mm)	L(m)	q (kN/m)
1	20003641	Lê Tuấn	An	1	250	500	6	50
2	20005613	Văn Tấn	An	2	300	600	7	55
3	20004467	Nguyễn Hồng	Bảo	1	250	500	5.5	60
4	20004606	Đặng Trung	Biên	2	250	500	5.9	53
5	20004505	Nguyễn Thạch Viết	Chánh	1	300	600	7.5	48
6	20005044	Nguyễn Văn	Chiến	2	250	500	5.6	57
7	20004718	Võ Nhật	Cường	1	300	600	7.7	53
8	20002638	Chung Đặng Trung	Dân	2	250	550	6.1	62
9	20001802	Nguyễn Công	Dược	1	300	600	7.8	51
10	20004752	Vô Văn	Hào	2	250	550	6.3	53
11	20004921	Nguyễn Trung	Hiếu	1	300	600	7.6	56
12	20007612	Phạm Minh	Hùng	2	250	550	6.2	53
13	20003787	Trần Khắc	Huy	1	300	600	7.4	58
14	20005111	Trần Nhật	Nam	2	250	550	6.3	57
15	20003156	Lê	Quan	1	300	600	7.6	51
16	20001548	Nguyễn Hữu	Quốc	2	250	550	6.4	54
17	20003159	Đào Anh	Thái	1	300	600	7.2	55
18	20005652	Trịnh Quốc	Thái	2	250	550	6.6	47
19	20004762	Đỗ Minh	Thành	1	300	600	7.1	60
20	20004644	Nguyễn Nhựt	Thành	2	250	550	6.5	47
21	20004161	Trần Văn	Thành	1	300	600	7.3	49
22	20005200	Vô Văn	Thường	2	250	550	6.6	51
23	20005501	Bùi Đức	Tính	1	300	600	7.3	51
24	20004951	Nguyễn Xuân	Trưởng	2	250	550	6.6	47
25	20003066	Vũ Quang	Tùng	1	300	600	7.7	45

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

Trình Minh Phong